

BẢN SAO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

NHÀ MÁY NƯỚC GIẢI KHÁT CAO CẤP
YẾN SÀO DIÊN KHÁNH
CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN
YẾN SÀO KHÁNH HÒA



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC
FAC AUDITING CO., LTD

Website : www.kiemtoan.net.vn

MỤC LỤC

| | <u>Trang</u> |
|---|---------------------|
| 1. MỤC LỤC | 1 |
| 2. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 - 3 |
| 3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 |
| 4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| 4.1 Bảng cân đối kế toán | 5 - 8 |
| 4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 9 |
| 4.3 Thuyết minh Báo cáo tài chính | 10 - 16 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa lập và trình bày báo cáo của Nhà máy nước giải khát cao cấp Yến Sào Diên Khánh ("Nhà máy") cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ NHÀ MÁY

Nhà máy Nước giải khát Cao cấp Yến sào Diên Khánh ("Nhà máy") là đơn vị trực thuộc Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa ("Công ty") được thành lập theo Quyết định số 140/QĐ-YS ngày 01 tháng 11 năm 2003 của Giám Đốc Công ty Yến sào Khánh Hòa. Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 26 tháng 7 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần 4 ngày 27 tháng 02 năm 2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Nhà máy có trụ sở chính tại Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại : (058) 3745 603 Fax : (058) 3745 680

Chủ sở hữu của Nhà máy là Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa. Địa chỉ trụ sở chính của Chủ sở hữu đặt tại 248 Thống Nhất, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của Nhà máy: Chế biến các sản phẩm từ Yến Sào.

NHỮNG ẢNH HƯỞNG QUAN TRỌNG ĐẾN TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ MÁY

Ngày 25/07/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ra Quyết định 1804/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh giai đoạn 2012 - 2015. Trong đó, năm 2014 sẽ cổ phần hóa Nhà máy Nước giải khát Cao cấp Yến sào Diên Khánh thành Công ty cổ phần. Hiện tại, Công ty đang thực hiện các thủ tục cổ phần hóa Nhà máy Nước giải khát Cao cấp Yến sào Diên Khánh.

Ngày 03 tháng 12 năm 2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu cho Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát cao cấp Yến Sào Diên Khánh số 4201624478. Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát cao cấp Yến Sào Diên Khánh được thành lập trên cơ sở Nhà máy Nước giải khát Cao cấp Yến sào Diên Khánh. Vốn điều lệ của Công ty này là 212.036.000.000 đồng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh của Nhà máy cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập và trình bày trong báo cáo tài chính kèm theo báo cáo này (từ trang 5 đến trang 16).

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát cao cấp Yến Sào Diên Khánh được thành lập trên cơ sở Nhà máy Nước giải khát Cao cấp Yến sào Diên Khánh sẽ chính thức đi vào hoạt động kể từ 01/01/2015. Ngoài sự kiện này, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập và trình bày báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

CHỦ TỊCH, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Chủ tịch, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|--------------------------|-----------------------------|
| Ông Lê Hữu Hoàng | Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc |
| Bà Bùi Thị Hạnh | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Anh Hùng | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Nguyễn Thị Bích Hương | Kế toán trưởng |
| Bà Võ Thị Thu Trang | Kiểm soát viên |

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Lê Hữu Hoàng - Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc.

CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN YẾN SÀO KHÁNH HÒA

NHÀ MÁY NƯỚC GIẢI KHÁT CAO CẤP YẾN SÀO DIÊN KHÁNH

Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH NHÀ MÁY

| Họ và tên | Chức vụ |
|--------------------------|-------------------|
| Bà Lê Thị Hồng Vân | Giám đốc |
| Ông Đặng Minh Thích | Phó Giám đốc |
| Bà Phan Thị Giang | Phó Giám đốc |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên | Phụ trách kế toán |

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Nhà máy trong từng kỳ kế toán. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhà máy sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Nhà máy đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Nhà máy và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhà máy và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Nhà máy vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Hữu Hoàng

Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 3 năm 2015



Trụ sở chính : 39/3L Phạm Văn Chiêu, P.8, Quận Gò Vấp, Tp. HCM.
Văn Phòng Giao Dịch : 2/23 Quách Văn Tuấn, Khu K300, P.12, Q. Tân Bình, TP. HCM
Chi nhánh Nha Trang : 27 Đường B1, Khu Đô Thị Vinh Điểm Trung, P. Vinh Hiệp, Tp. Nha Trang, Khánh Hòa
Chi nhánh Vũng Tàu : 169 Trương Công Định - Tp. Vũng Tàu - Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Tel : (08) 3 948 3100 Fax : (08) 3 948 3102
Tel : (0-58) 3 895 777 Fax : (0-58) 3 893 377
Tel : (0-64) 2 210 287 Fax : (0-64) 6 253 070

www.kiemtoan.net.vn

Số: 019B/2015/BCTC-FACNT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : **Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Nhà máy Nước giải khát Cao cấp Yến sào Diên Khánh ("Nhà máy"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2015, từ trang 5 đến trang 16, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Nhà máy theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Nhà máy có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Nhà máy Nước giải khát Cao cấp Yến sào Diên Khánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC
CHI NHÁNH NHA TRANG



Nguyễn Thịnh

Phạm Tiến Nhân

Nguyễn Thịnh - Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0473-2013-099-1
Khánh Hòa, ngày 20 tháng 3 năm 2015

Phạm Tiến Nhân - Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 3096-2015-099-1

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 74.045.666.774 | 51.264.629.283 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | - | - |
| 1. Tiền | 111 | | - | - |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 325.222.854 | 12.442.267.619 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | IV. 1 | 110.513.485 | 12.397.706.988 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 65.868.000 | - |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | IV. 2 | 148.841.369 | 44.560.631 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 73.617.148.987 | 38.334.750.749 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | IV. 3 | 73.617.148.987 | 38.334.750.749 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 103.294.933 | 487.610.915 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | IV. 4 | 103.294.933 | 452.610.915 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ | 157 | | - | - |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | IV. 5 | - | 35.000.000 |



Mẫu B 01-DN

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 62.621.953.017 | 61.819.784.026 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 15.819.427.721 | 59.924.133.520 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | IV. 6 | 15.813.898.771 | 14.502.990.439 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 40.123.172.060 | 35.457.012.566 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (24.309.273.289) | (20.954.022.127) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | IV. 7 | - | 20.758.000 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 203.790.000 | 203.790.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (203.790.000) | (183.032.000) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | IV. 8 | 5.528.950 | 45.400.385.081 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 241 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | | - | - |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 46.802.525.296 | 1.895.650.506 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | IV. 9 | 46.802.525.296 | 1.895.650.506 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 136.667.619.791 | 113.084.413.309 |

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2014 | | 01/01/2014 | |
|---|------------|-------------|------------------------|--|------------------------|--|
| | | | | | | |
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 17.473.552.265 | | 113.084.413.309 | |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 17.473.552.265 | | 14.401.536.124 | |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | | - | | - | |
| 2. Phải trả người bán | 312 | IV. 10 | 17.465.542.245 | | 11.513.499.474 | |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | IV. 11 | 8.010.020 | | 56.833.234 | |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | | - | | - | |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | - | | 2.831.203.416 | |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | | - | | - | |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | | - | |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | | - | |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | | - | | - | |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | | - | |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | - | | - | |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ | 327 | | - | | - | |
| | | | | | 98.682.877.185 | |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | | | | |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | | - | |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | IV. 12 | - | | 98.682.877.185 | |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | - | | - | |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | | - | | - | |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | | - | |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | | - | |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | | - | |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | - | | - | |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | | - | |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 119.194.067.526 | | | |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 119.194.067.526 | | | |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | IV. 13 | 119.194.067.526 | | - | |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | | - | |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | | - | |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | - | | - | |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | | - | |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | | - | |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | - | | - | |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | - | | - | |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | | - | |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | - | | - | |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | | - | | - | |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | | - | |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | | | | |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | | - | |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | | - | |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 136.667.619.791 | | 113.084.413.309 | |

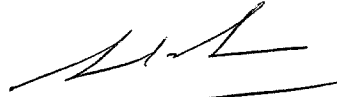
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|--|----------------|------------|------------|
| | | - | - |
| 1. Tài sản thuê ngoài | | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | - | - |
| 5. Ngoại tệ các loại | | - | - |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |

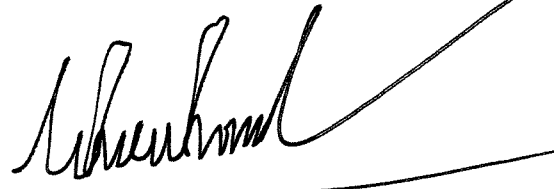
Khánh Hòa, ngày 20 tháng 3 năm 2015



Võ Thị Liễu Nhi
Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Hương
Kế toán trưởng



Lê Hữu Hoàng
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ MÁY NƯỚC GIẢI KHÁT CAO CẤP YẾN SÀO

1. Thông tin về Nhà máy

Nhà máy Nước giải khát Cao cấp Yến sào Diên Khánh ("Nhà máy") là đơn vị trực thuộc Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa ("Công ty") được thành lập theo Quyết định số 140/QĐ-YS ngày 01 tháng 11 năm 2003 của Giám Đốc Công ty Yến sào Khánh Hòa. Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 26 tháng 7 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần 4 ngày 27 tháng 02 năm 2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Nhà máy có trụ sở chính tại Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

Chủ sở hữu của Nhà máy là Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa. Địa chỉ trụ sở chính của Chủ sở hữu đặt tại 248 Thống Nhất, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Nhà máy có trụ sở chính tại Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

Số lượng cán bộ và nhân viên của Nhà máy tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 499 người (ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 460 người).

2. Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Nhà máy

Ngày 25/07/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ra Quyết định 1804/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh giai đoạn 2012 - 2015. Trong đó, năm 2014 sẽ cổ phần hóa Nhà máy Nước giải khát Cao cấp Yến sào Diên Khánh thành Công ty cổ phần. Hiện tại, Công ty đang thực hiện các thủ tục cổ phần hóa Nhà máy Nước giải khát Cao cấp Yến sào Diên Khánh.

Ngày 03 tháng 12 năm 2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu cho Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát-cao cấp Yến Sào Diên Khánh số 4201624478. Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát cao cấp Yến Sào Diên Khánh được thành lập trên cơ sở Nhà máy Nước giải khát Cao cấp Yến sào Diên Khánh. Vốn điều lệ của Công ty này là 212.036.000.000 đồng.

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Mục đích lập và phạm vi sử dụng báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính này được lập nhằm giúp Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Nhà máy Nước giải khát Cao cấp Yến sào Diên Khánh. Vì thế, báo cáo tài chính này không phù hợp để sử dụng vào mục đích khác.

2. Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Nhà máy được trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp và các chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán có liên quan trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhà máy là chứng từ ghi sổ.

4. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

5. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhà máy dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhà máy áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được hạch toán tập trung tại Công ty. Nhà máy chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng tài sản cố định hiện có của đơn vị mình phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả.

Khấu hao Tài sản cố định: Việc tính Khấu hao tài sản cố định trong kỳ thực hiện tập trung tại Công ty. Việc hạch toán chi phí Khấu hao vào chi phí sản xuất kinh doanh của Nhà máy được thực hiện theo thông báo của Công ty.

5. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

6. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư các dự án, xây dựng các hạng mục công trình mà chưa hoàn thành tại ngày lập báo cáo tài chính, như chi phí giao thầu xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhà máy đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

9. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn kinh doanh của Nhà máy do Công ty cân đối theo nguyên tắc vay – trả, chịu lãi theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty và được theo dõi trên Tài khoản Phải trả nội bộ dài hạn. Chi phí lãi vay được hạch toán theo phân bổ của Công ty.

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nhà máy không kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp do Công ty thực hiện. Thuế thu nhập doanh nghiệp trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh số thuế thu nhập Nhà máy phải nộp cho Công ty để kê khai tập trung tại Công ty.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhà máy có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Phải thu của khách hàng

| | <u>31/12/2014</u> | <u>01/01/2014</u> |
|---|---------------------------|------------------------------|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư An Phong tại Khánh Hòa (Nha Trang) | 27.787.690 | 9.331.500 |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư An Phong tại Khánh Hòa (Cam Ranh) | - | 16.145.907 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang | 79.714.435 | 2.654.797 |
| Các khách hàng khác | 3.011.360 | 12.369.574.784 |
| Cộng | <u>110.513.485</u> | <u>12.397.706.988</u> |

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

| | <u>31/12/2014</u> | <u>01/01/2014</u> |
|--------------------------|---------------------------|--------------------------|
| Bảo hiểm xã hội nộp thừa | 148.841.369 | 38.942.281 |
| Các khoản phải thu khác | - | 5.618.350 |
| Cộng | <u>148.841.369</u> | <u>44.560.631</u> |

3. Hàng tồn kho

| | <u>31/12/2014</u> | <u>01/01/2014</u> |
|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu tồn kho | 10.911.774.141 | 9.195.854.451 |
| Công cụ, dụng cụ tồn kho | 27.962.195.413 | 16.226.934.319 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 3.829.850.919 | 1.817.056.881 |
| Thành phẩm tồn kho | 13.710.593.145 | 1.463.860.166 |
| Hàng hóa tồn kho | 13.197.548 | 272.997.072 |
| Hàng gửi đi bán | 17.189.537.821 | 9.358.047.860 |
| Cộng | <u>73.617.148.987</u> | <u>38.334.750.749</u> |

4. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | <u>31/12/2014</u> | <u>01/01/2014</u> |
|--------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí thuê mặt bằng | 41.470.000 | 444.588.000 |
| Chi phí đồ dùng, dụng cụ | 61.824.933 | 8.022.915 |
| Cộng | <u>103.294.933</u> | <u>452.610.915</u> |

5. Tài sản ngắn hạn khác

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|-----------------------|-------------------|-------------------|
| Tạm ứng của nhân viên | - | 35.000.000 |
| Cộng | - | 35.000.000 |

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tổng cộng |
|-----------------------------------|-------------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Tại 01/01/2014 | 7.472.522.734 | 19.001.908.951 | 8.733.724.325 | 248.856.556 | 35.457.012.566 |
| Điều chuyển nội bộ | - | 340.000.000 | - | - | 340.000.000 |
| Đầu tư hoàn thành | 201.249.818 | 1.519.680.987 | 2.605.228.689 | - | 4.326.159.494 |
| Tại 31/12/2014 | 7.673.772.552 | 20.861.589.938 | 11.338.953.014 | 248.856.556 | 40.123.172.060 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng | 457.007.398 | 10.196.572.510 | 326.725.056 | 154.576.556 | 11.134.881.520 |
| Hao mòn lũy kế | | | | | |
| Tại 01/01/2014 | 3.210.890.480 | 13.966.998.418 | 3.557.917.673 | 218.215.556 | 20.954.022.127 |
| Điều chuyển nội bộ | - | 220.595.241 | - | - | 220.595.241 |
| Trích khấu hao | 520.355.383 | 1.381.880.065 | 1.213.564.473 | 18.856.000 | 3.134.655.921 |
| Tại 31/12/2014 | 3.731.245.863 | 15.569.473.724 | 4.771.482.146 | 237.071.556 | 24.309.273.289 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Tại 01/01/2014 | 4.261.632.254 | 5.034.910.533 | 5.175.806.652 | 30.641.000 | 14.502.990.439 |
| Tại 31/12/2014 | 3.942.526.689 | 5.292.116.214 | 6.567.470.868 | 11.785.000 | 15.813.898.771 |

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | Bản quyền, bằng sáng chế | Phần mềm máy tính | Tài sản cố định vô hình khác | Tổng cộng |
|------------------------|---------------------------------|--------------------------|-------------------------------------|--------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Tại 01/01/2014 | 100.000.000 | 103.790.000 | - | 203.790.000 |
| Tại 31/12/2014 | 100.000.000 | 103.790.000 | - | 203.790.000 |
| Hao mòn lũy kế | | | | |
| Tại 01/01/2014 | 100.000.000 | 83.032.000 | - | 183.032.000 |
| Trích khấu hao | - | 20.758.000 | - | 20.758.000 |
| Tại 31/12/2014 | 100.000.000 | 103.790.000 | - | 203.790.000 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Tại 01/01/2014 | - | 20.758.000 | - | 20.758.000 |
| Tại 31/12/2014 | - | - | - | - |

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---------------------------------|-------------------|-----------------------|
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | - | 45.394.856.131 |
| Chi phí sửa chữa, cải tạo | 5.528.950 | 5.528.950 |
| Cộng | 5.528.950 | 45.400.385.081 |

9. Chi phí trả trước dài hạn

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Chi phí sửa chữa | 205.792.063 | 374.764.457 |
| Chi phí thuê mặt bằng, cửa hàng | 608.255.952 | 642.837.640 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 45.394.856.131 | - |
| Chi phí đồ dùng, dụng cụ | 593.621.150 | 878.048.409 |
| Cộng | 46.802.525.296 | 1.895.650.506 |

10. Phải trả cho người bán

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi nhánh Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam | 2.147.437.215 | 1.856.654.800 |
| Công ty TNHH Hóa dược Châu Quân | 1.845.494.200 | - |
| Công ty TNHH Chemtech | 1.832.688.000 | - |
| Bangkok Glass Public Co., Ltd | 1.678.039.446 | - |
| Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ In bao bì Cuộc Sống Mới | 1.634.693.940 | 2.712.474.500 |
| Công ty TNHH Một thành viên In bao bì Khatoco | 1.266.751.805 | - |
| Công ty TNHH Bao bì Việt Nam | 884.907.870 | 581.901.620 |
| Công ty Cổ phần Đông Á | 761.744.500 | 672.617.550 |
| Công ty TNHH Thương mại In và Sản xuất Cát Thành | 680.148.425 | 500.420.800 |
| Công ty TNHH NCL (Á Châu) | 218.889.000 | 329.208.000 |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Toàn Kỳ | 192.000.600 | 183.001.500 |
| Công ty Cổ phần Thái Bình Dương Nha Trang | - | 601.139.000 |
| Công ty TNHH MTV Thương mại Thành Thành Công | - | 669.270.000 |
| Xí nghiệp In Bao bì Khatoco | - | 935.224.590 |
| Các nhà cung cấp khác | 4.322.747.244 | 2.471.587.114 |
| Cộng | 17.465.542.245 | 11.513.499.474 |

11. Người mua trả tiền trước

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|--|-------------------|-------------------|
| Khách hàng trả trước tiền mua sản phẩm của Nhà máy | 8.010.020 | 56.833.234 |
| Cộng | 8.010.020 | 56.833.234 |

12. Phải trả dài hạn nội bộ

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|-------------------|-----------------------|
| Phải trả về vốn kinh doanh cho Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa | - | 98.682.877.185 |
| Cộng | - | 98.682.877.185 |

13. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|------------------------|-------------------|
| Vốn kinh doanh của Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa | 119.194.067.526 | - |
| Cộng | 119.194.067.526 | - |

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm 2014 | Năm 2013 |
|--|------------------------|------------------------|
| Tổng doanh thu bán thành phẩm nước yến | 722.754.202.121 | 660.058.132.448 |
| Các khoản giảm trừ | 9.461.819.857 | 9.472.706.948 |
| Doanh thu thuần bán thành phẩm nước yến | 713.292.382.264 | 650.585.425.500 |

2. Giá vốn hàng bán

| | Năm 2014 | Năm 2013 |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn bán thành phẩm nước yến | 459.185.716.471 | 428.606.502.563 |
| Cộng | 459.185.716.471 | 428.606.502.563 |

3. Chi phí tài chính

| | Năm 2014 | Năm 2013 |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay Công ty phân bổ | 16.290.908.678 | 14.488.841.635 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 367.413.646 | - |
| Cộng | 16.658.322.324 | 14.488.841.635 |

4. Chi phí bán hàng

| | Năm 2014 | Năm 2013 |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nhân viên | 31.944.413.982 | 30.094.586.971 |
| Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ | 1.860.704.096 | 3.347.186.361 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 982.706.198 | 843.364.828 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 15.362.501.200 | 10.450.633.826 |
| Chi phí bằng tiền khác | 12.191.654.590 | 9.818.801.754 |
| Chi phí bán hàng được Công ty phân bổ | 97.000.402.010 | 80.241.514.548 |
| Cộng | 159.342.382.076 | 134.796.088.288 |

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm 2014 | Năm 2013 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 5.552.125.897 | 4.546.575.542 |
| Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ | 193.574.943 | 111.937.920 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 103.609.283 | 44.881.713 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 472.695.711 | 408.661.275 |
| Chi phí bằng tiền khác | 258.318.109 | 223.112.273 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp được Công ty phân bổ | 12.605.923.401 | 8.223.351.876 |
| Cộng | 19.186.247.344 | 13.558.520.599 |


VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

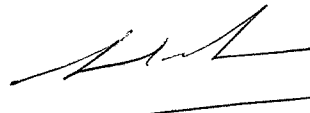
Các khoản thu và chi tiền liên quan đến hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính chủ yếu qua tài khoản của Công ty, nên Ban Tổng Giám đốc Công ty không lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong Báo cáo tài chính của Nhà máy.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán


Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát cao cấp Yến Sào Diên Khánh được thành lập trên cơ sở Nhà máy Nước giải khát Cao cấp Yến sào Diên Khánh sẽ chính thức đi vào hoạt động kể từ 01/01/2015. Ngoài sự kiện này, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập và trình bày báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.



Võ Thị Liễu Nhi
Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Hường
Kế toán trưởng



Lê Hữu Hoàng
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực..... Quyển số..... SCT/BS
Ngày 05 05 2015 tháng 05 năm 2015

PHÓ CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Tấn Dũng

